TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH NGHỆ AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 17-01-2022
V/v Tranh chấp hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Ngọc Anh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Hồ Cảnh

Ông Hồ Bá Võ

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Cẩm Nhung - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An không tham gia phiên tòa.

Ngày 17 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An mở phiên tòa xét xử công khai vụ án thụ lý số 157/2021/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 10 năm 2021 về "Tranh chấp hôn nhân và gia đình", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 07/01/2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Nguyễn Thành V, sinh năm 1991. Nơi ĐKHKTT trước khi xuất cảnh: Xóm A, xã XH, huyện NĐ, tỉnh NA.

Địa chỉ hiện nay: Nhật Bản. Vắng mặt (đề nghị xét xử vắng mặt được hợp pháp hóa của Tổng Lãnh sự quán Việt Nam tại Nhật Bản).

2. Bị đơn: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1990. Nơi ĐKHKTT trước khi xuất cảnh: Xóm Trung Phong, xã Xuân Hòa, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An.

Địa chỉ hiện nay: Đài Loan. Vắng mặt (đề nghị xét xử vắng mặt được hợp pháp hóa của Văn phòng kinh tế văn hóa Việt Nam tại Đài Bắc).

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Bà Lê Thị S. Địa chỉ: Xóm A, xã XH, huyện NĐ, tỉnh NA. Vắng mặt (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 10/8/2021 và bản tự khai (được hợp pháp hóa của Tổng Lãnh sự quán Việt Nam tại Nhật Bản) anh Nguyễn Thành V trình bày:

Anh Nguyễn Thành V và chị Nguyễn Thị H kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã XH, huyện NĐ, tỉnh NA ngày 29/7/2013. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống chung với nhau một thời gian sau đó

phát sinh mâu thuẫn do trong cuộc sống tính tình không hợp nhau. Cuối năm 2016, anh V làm thủ tục xuất khẩu lao động đi Nhật Bản. Đến tháng 5 năm 2019, chị H làm thủ tục xuất khẩu lao động đi Đài Loan. Từ đó đến nay hai vợ chồng sống xa nhau và không liên lạc với nhau, cắt đứt mọi quan hệ. Do tình cảm vợ chồng không còn nên anh Nguyễn Thành V đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn với chị Nguyễn Thị H.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Nguyễn Thị Phương L, sinh ngày 18/4/2014 và Nguyễn Thị Như Q, sinh ngày 29/7/2017, hiện nay hai con đang ở với gia đình bà Lê Thị S, sinh năm 1970 (là mẹ đẻ của anh V). Nếu ly hôn đề nghị Tòa án giao 02 con chung cho anh V chăm sóc, nuôi dưỡng, không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ: Anh V không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh Nguyễn Thành V đang làm việc và sinh sống tại Nhật Bản. Ngày 10/8/2021, anh V có xin đơn ly hôn gửi Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An và ủy quyền cho bà Phan Thị T, sinh năm 1987 nộp thủ tục ly hôn với chị Nguyễn Thị H tại Tòa án (giấy ủy quyền ngày 10/8/202 được hợp pháp hóa của Tổng Lãnh sự quán Việt Nam tại Nhật Bản).

Hiện nay anh V đang ở Nhật Bản do dịch bệnh Covid 19 đi lại vất vả khó khăn nên đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải và xét xử vắng mặt anh V. Các văn bản tố tụng của Tòa án đề nghị gửi cho bà Phan Thị T, sinh năm 1987. Địa chỉ: Khối A, phường TT, tp V, tỉnh NA và bà T có trách nhiệm giao lại cho anh V.

Ý kiến của bị đơn chị Nguyễn Thị H:

Chị Nguyễn Thị H có bản tự khai ngày 12/10/2021 (được hợp pháp hóa của Văn phòng kinh tế văn hóa Việt Nam tại Đài Bắc) với nội dung: Thời gian, điều kiện, địa điểm đăng ký kết hôn đúng như anh V trình bày. Sau khi kết hôn, vợ chồng về chung sống cùng gia đình chồng tại xóm A, xã XH, huyện NĐ. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc yêu thương nhau. Từ khi anh V đi xuất khẩu lao động tại Nhật Bản, chị H biết anh V có quan hệ với người phụ nữ khác ở Nhật Bản nên tình cảm vợ chồng bắt đầu mâu thuẫn, anh V thỉnh thoảng liên lạc về với con, không liên lạc với chị H. Đến tháng 12/2020, chị H đi lao động tại Đài Loan và gửi con cho mẹ anh V chăm sóc và hàng tháng gửi quà, tiền về nuôi con. Chị H cho rằng mặc dù tình cảm vợ chồng không còn, tuy nhiên để hai con có cả bố và mẹ, chị H đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh V.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Nguyễn Thị Phương L, sinh ngày 18/4/2014 và Nguyễn Thị Như Q, sinh ngày 29/7/2017, hiện nay hai con đang ở với gia đình bà Lê Thị S, sinh năm 1970 (là mẹ đẻ của anh V). Nếu ly hôn đề nghị Tòa án giao 02 con chung cho chị H chăm sóc, nuôi dưỡng và đề nghị anh V cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật. Hiện tại chị H đang ở nước ngoài nhưng nếu Tòa giao hai con cho chị H nuôi dưỡng thì chị H sẽ gửi con cho bố mẹ chăm sóc khi chị H đi vắng.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị H không yêu cầu Toà án giải quyết.

Hiện tại chị Nguyễn Thị H đang sinh sống và làm việc tại Đài Loan lại khó khăn nên không thể về Việt Nam để trực tiếp giải quyết vụ án ly hôn được nên đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải, xét xử vụ án vắng mặt chị H.

Ý kiến của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị S:

Bà Lê Thị S là mẹ đẻ của anh V; chị H và anh V đăng ký kết hôn trên cơ sở tự nguyện tại UBND xã XH, huyện NĐ, tỉnh NA. Sau khi cưới thì vợ chồng cùng chung sống với bà S. Do hai vợ chồng đều đi xuất khẩu lao động ở nước ngoài nên giao hai con chung là Nguyễn Thị Phương L, sinh ngày 18/4/2014 và Nguyễn Thị Như Q, sinh ngày 29/7/2017 cho bà S quản lý, chăm sóc; bà S không yêu cầu anh V, chị H thanh toán tiền công chăm sóc, nuôi dưỡng hai cháu từ trước đến nay. Hiện nay hai cháu đang ở với bà S và nếu Tòa án giao hai cháu cho chị H hoặc anh V nuôi dưỡng thì bà S cam kết sẽ quản lý, chăm sóc hai cháu chu đáo cho đến khi anh V, chị H về nước và không yêu cầu tiền công chăm sóc, nuôi dưỡng hai cháu.

Cháu Nguyễn Thị Phương L, sinh ngày 18/4/2014 có đơn trình bày: Cháu Linh là con của bố Nguyễn Thành V và mẹ Nguyễn Thị H. Nếu bố V, mẹ H ly hôn thì nguyện vọng của cháu là được ở với mẹ Nguyễn Thị H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu có tại hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa anh Nguyễn Thành V, chị Nguyễn Thị H, bà Lê Thị S vắng mặt nhưng đã có văn bản trình bày quan điểm của mình đối với vụ án và đề nghị Toà án không tiến hành hòa giải và xét xử vắng mặt họ (văn bản của anh V được hợp pháp hóa của Tổng Lãnh sự quán Việt Nam tại Nhật Bản; văn bản của chị H được hợp pháp hóa của Văn phòng kinh tế văn hóa Việt Nam tại Đài Bắc; văn bản của bà S được chính quyền địa phương xác nhận).

Vì vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo quy định tại khản 2 Điều 207 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa anh V, chị H là tự nguyện và hợp pháp; quá trình sống chung tại Việt Nam vợ chồng đã có mâu thuẫn, tuy nhiên mâu thuẫn phát sinh trầm trọng sau khi anh V đi xuất khẩu lao động tại Nhật Bản, chị H nghi ngờ anh V có quan hệ với người phụ nữ khác tại Nhật Bản nên không quan tâm chăm sóc vợ con, không liên lạc, xa lánh chị H; nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng thiếu tin tưởng nhau; chị H đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh V vì mong muốn hai con có cả bố và mẹ. Xét thấy, cuộc hôn nhân của anh V, chị H chỉ còn giá trị trên pháp lý, thực tế anh V, chị H không còn sống chung với nhau từ năm 2016; chị H thừa nhận từ khi chị H đi lao động tại Đài Loan, hai vợ chồng không còn liên lạc với nhau, không quan tâm đến nhau, tình cảm vợ chồng không còn; chị H đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh V nhưng không đưa ra được giải pháp để vợ chồng đoàn tụ. Mặt khác hiện nay

anh V đang ở Nhật Bản, chị H đang ở Đài Loan, vợ chồng đã cắt đứt mọi quan hệ với nhau. Như vậy, cuộc hôn nhân của anh V, chị H đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên giải quyết cho anh V, chị H được ly hôn là phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Nguyễn Thị Phương L, sinh ngày 18/4/2014 và Nguyễn Thị Như Q, sinh ngày 29/7/2017; anh V và chị H đều đề nghị Tòa án giao hai con chung cho mình chăm sóc, nuôi dưỡng.

Xét thấy sau khi ly hôn thì bố, mẹ đều có nghĩa vụ, trách nhiệm nuôi con chưa thành niên nên nguyện vọng được nuôi con của anh V, chị H là chính đáng. Tuy nhiên, cần xem xét các điều kiện kinh tế, vật chất, tinh thần và môi trường sống tốt nhất cho các con để giao cho người nuôi dưỡng chăm sóc con chung cho phù hợp. Hiện tại, anh V và chị H đều đang ở nước ngoài, nếu giao con chung cho ai nuôi dưỡng thì cũng cần có sự giúp đỡ của ông, bà nội ngoại và hiện nay hai con chúng đang ở với bà nội. Xét để đảm bảo điều kiện tốt nhất cho sự phát triển của các cháu Nguyễn Thị Phương L và Nguyễn Thị Như Q thì cần giao cho anh V, chị H mỗi người trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng một con chung để đảm bảo quyền được chăm sóc nuôi dưỡng con chung của bố, mẹ, phù hợp với các Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình. Vì vậy, giao cháu Nguyễn Thị Phương L, sinh ngày 18/4/2014 cho anh Nguyễn Thành V trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Giao cháu Nguyễn Thị Như Q, sinh ngày 29/7/2017 cho chị Nguyễn Thị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Do mỗi người nuôi một con chung nên không ai phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

Việc quản lý, chăm sóc con chung: Bà Lê Thị S (mẹ đẻ anh V) đang là người trực tiếp quản lý, chăm sóc hai cháu Nguyễn Thị Phương L và Nguyễn Thị Như Q trong thời gian anh V, chị H đi vắng và không yêu cầu anh V, chị H thanh toán chi phí chăm sóc hai cháu từ trước đến nay. Hiện nay bà S vẫn tự nguyện cam kết chăm sóc hai cháu trong thời gian anh V, chị H chưa có điều kiện trực tiếp nuôi con. Vì vậy, chấp nhận sự tự nguyện chăm sóc, quản lý của bà S đối với hai con chung của anh V, chị H; khi có điều kiện trực tiếp nuôi con anh V, chị H thực hiện theo quy định của pháp luật.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Anh V, chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí: Anh Nguyễn Thành V phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 56, 81, 82, 83, 84, 122, 123, 127 của Luật Hôn nhân và gia đình; các Điều 37; Điều 147; khoản 2 Điều 207; khoản 1 Điều 228; Điều 479 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Về hôn nhân: Cho anh Nguyễn Thành V được ly hôn với chị Nguyễn Thị H.

2. Về nuôi con chung và nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con:

Giao cháu Nguyễn Thị Phương L, sinh ngày 18/4/2014 cho anh Nguyễn Thành V trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Giao cháu Nguyễn Thị Như Q, sinh ngày 29/7/2017 cho chị Nguyễn Thị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Người không trực tiếp nuôi con chung có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

Anh Nguyễn Thành V và chị Nguyễn Thị H không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau. Vì quyền lợi của con, khi có lý do chính đáng hoặc có căn cứ theo quy định của pháp luật, theo yêu cầu của một hoặc các bên thì Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Anh Nguyễn Thành V và chị Nguyễn Thị H không yêu cầu giải quyết.

4. Về án phí: Anh Nguyễn Thành V phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng đã nộp tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Nghệ An theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0011494 ngày 18/10/2021. Anh Nguyễn Thành V đã nộp xong tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

Anh Nguyễn Thành V và chị Nguyễn Thị H vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Bà Lê Thị S vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Nghệ An;
- Cục THADS tỉnh Nghệ An;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Hoàng Ngọc Anh